



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Văn hóa Phương Nam

Ngày 31/12/2025	18,650 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25
138
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.0 -17.3%
YoY: ▼19.0 -12.0%

LN thuần Q4/25
-6.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.86 -310%
YoY: ▼9.65 -264%

LN sau thuế Q4/25
-2.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.22 -181%
YoY: ▼6.47 -156%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.5%
YoY: +/-▼ 1.8%

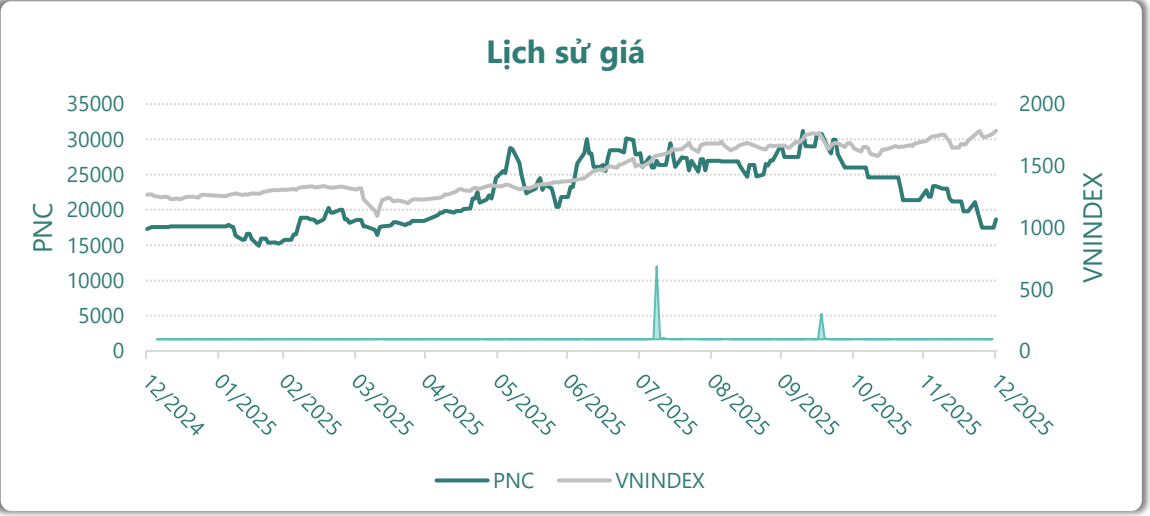
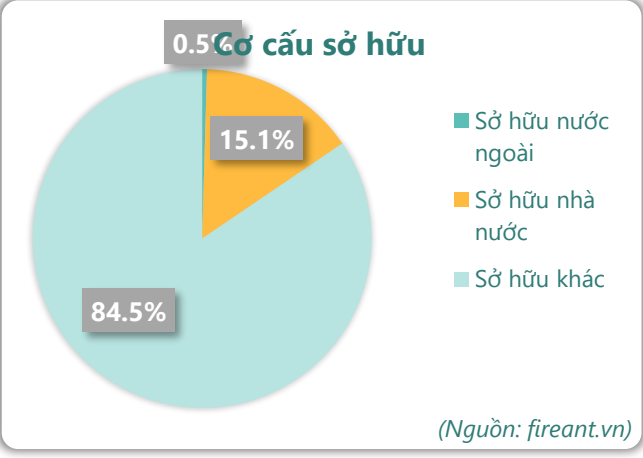
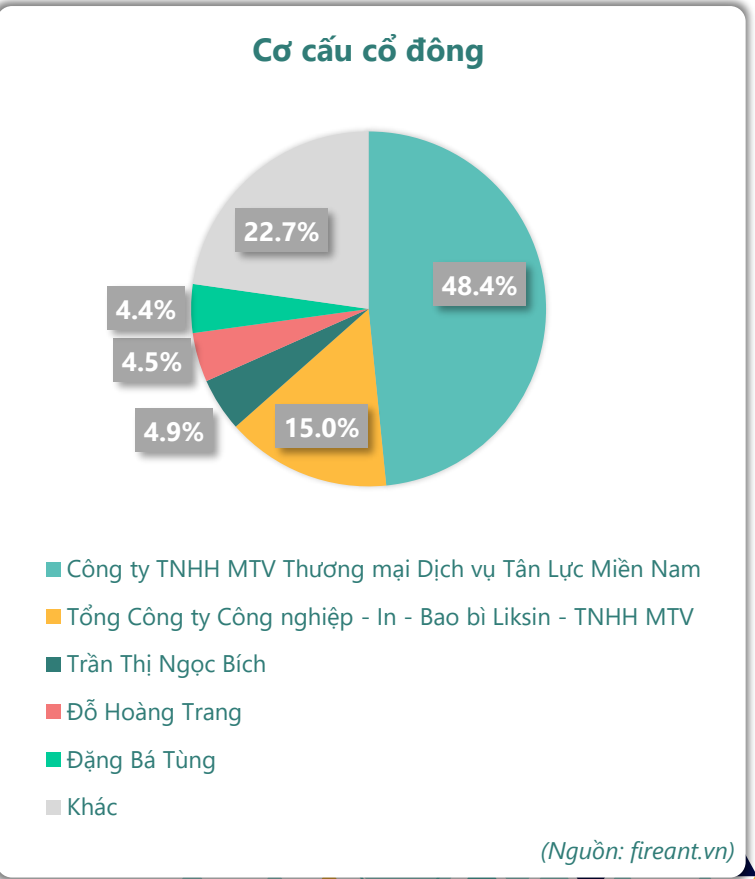
ROE 2025
1.1%
YoY: +/-▼ 4.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,916 - 31,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	201
Số lượng CPLH (CP)	10,799,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)	420
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.69
EPS	189
P/E	98.6

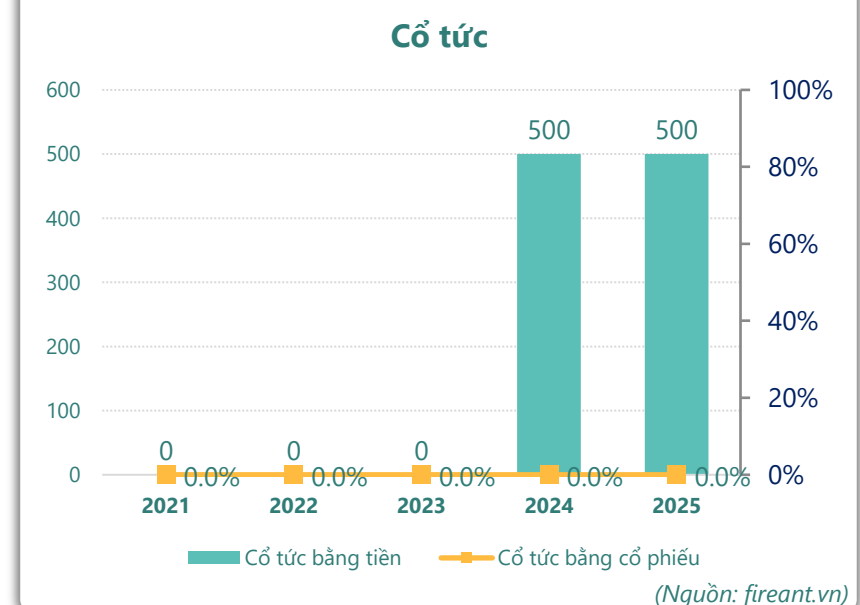
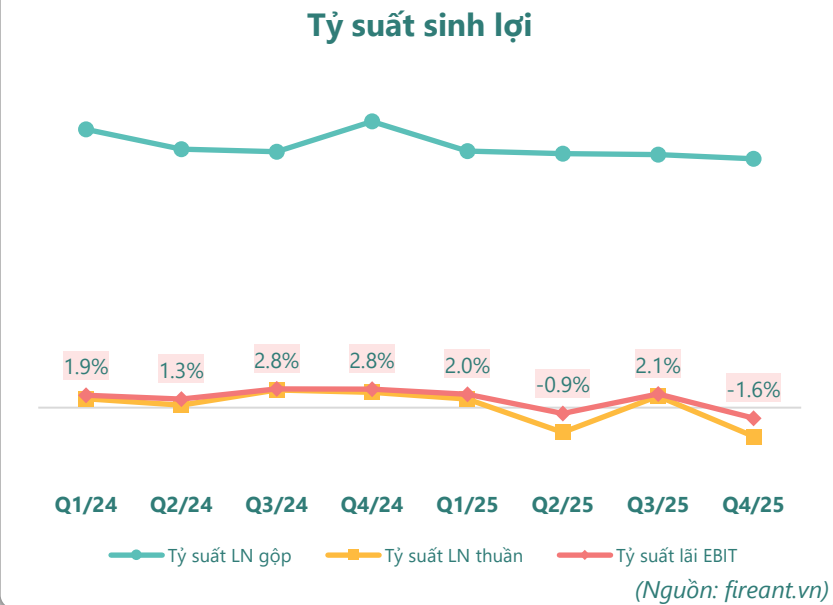
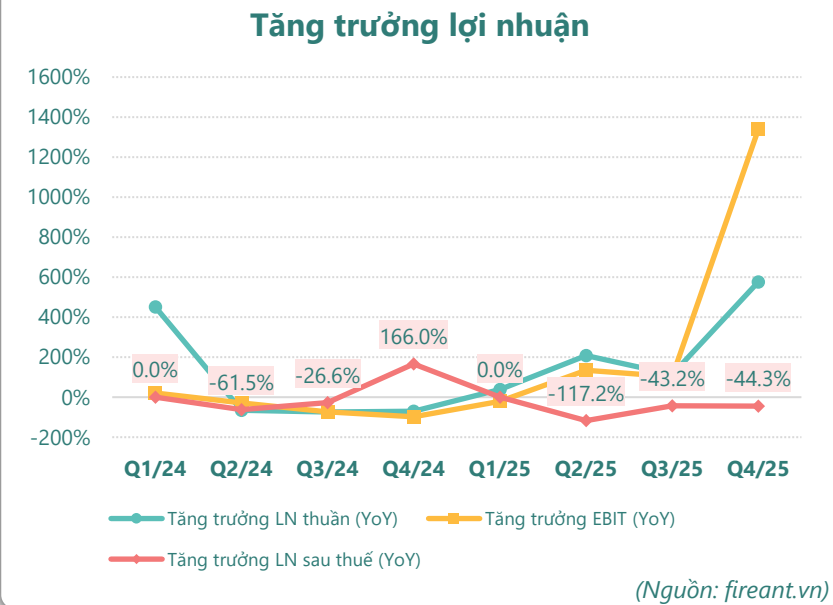
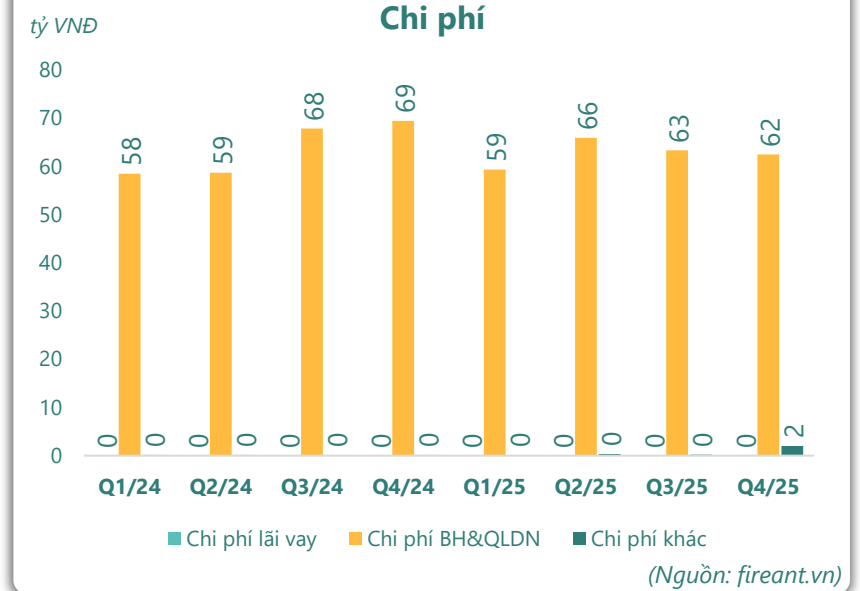
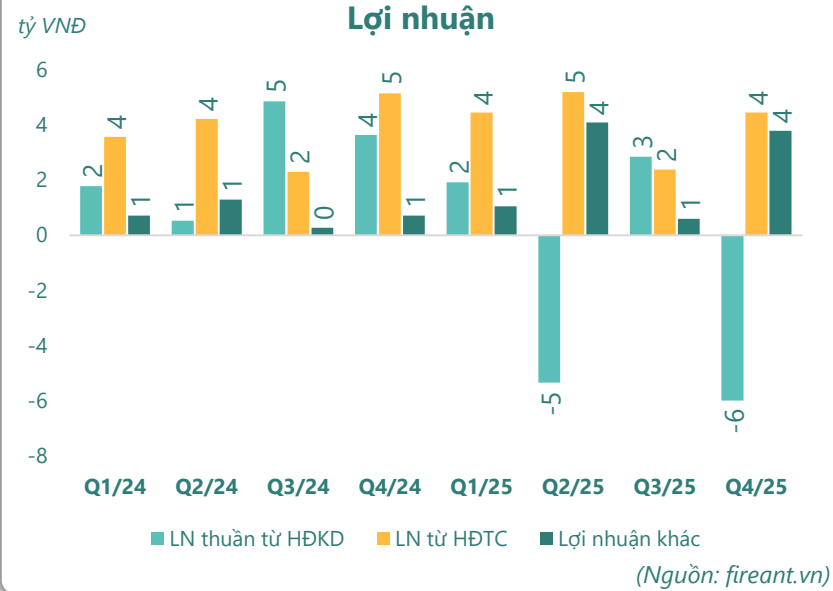
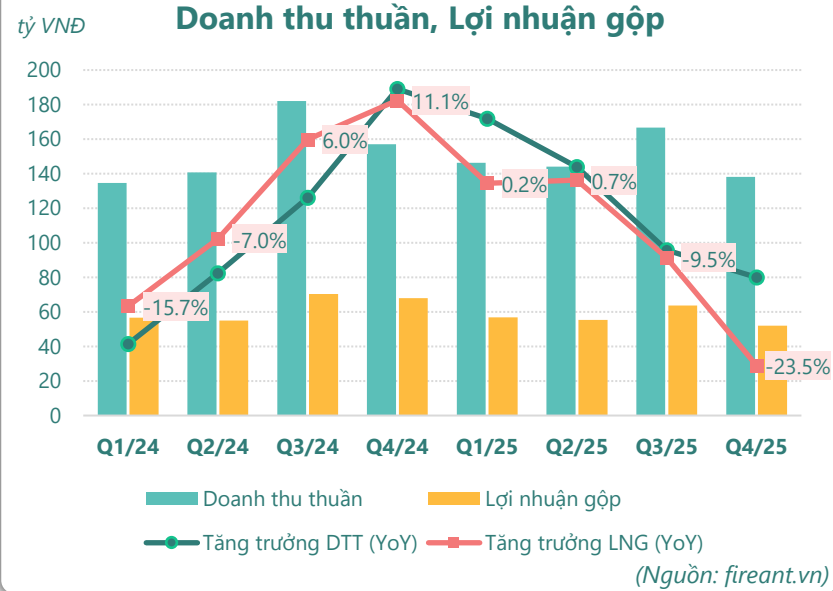
DT thuần 2025
595
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.0 -3.1%

LN thuần 2025
-6.57
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.8 -154%

LN sau thuế 2025
2.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.16 -80.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

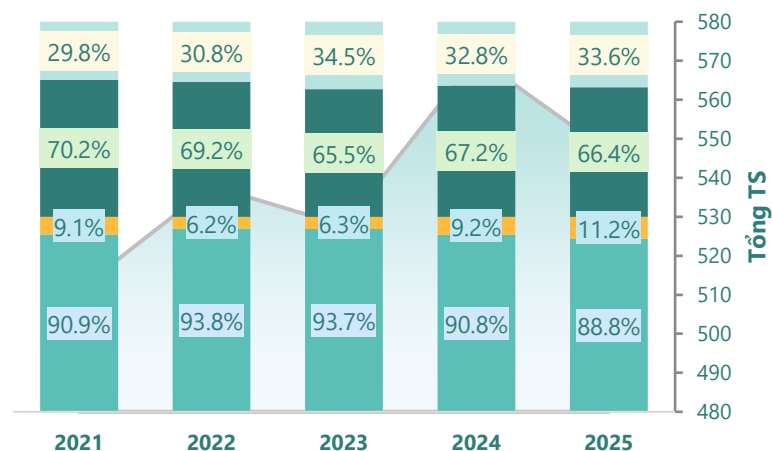




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

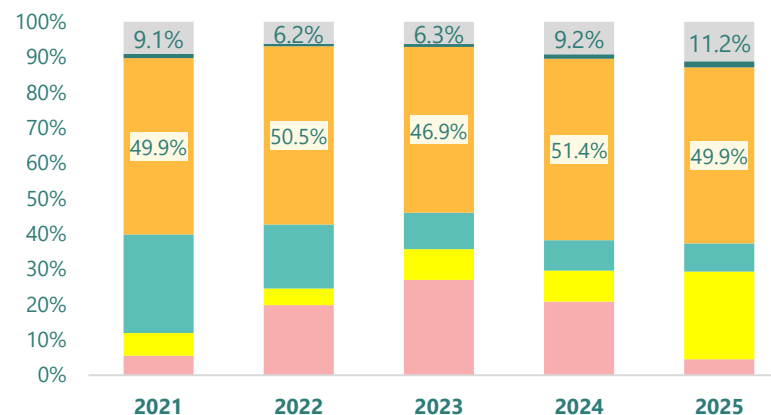
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

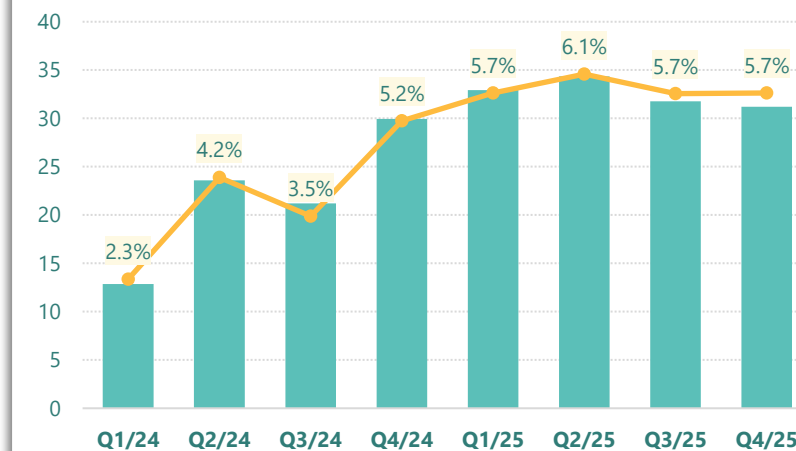


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

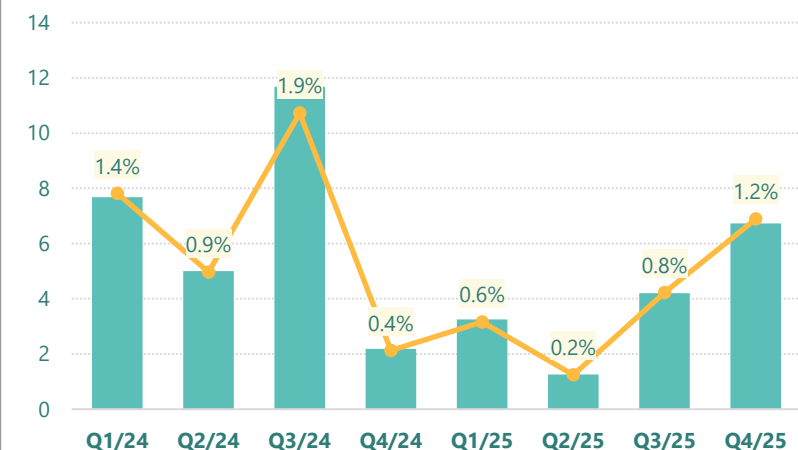


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

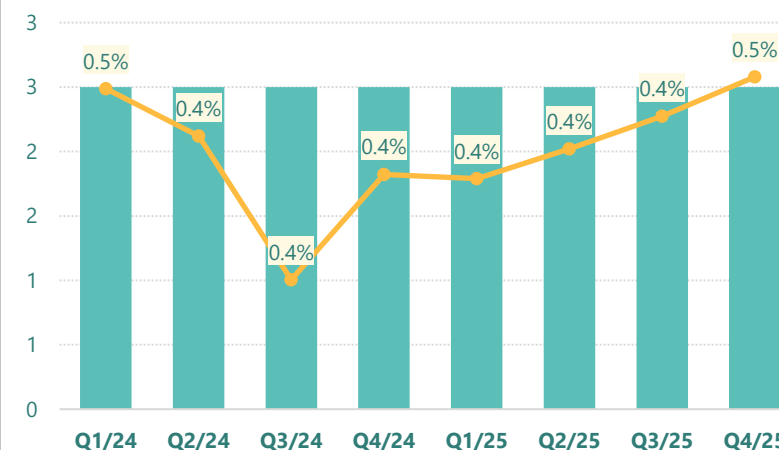


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

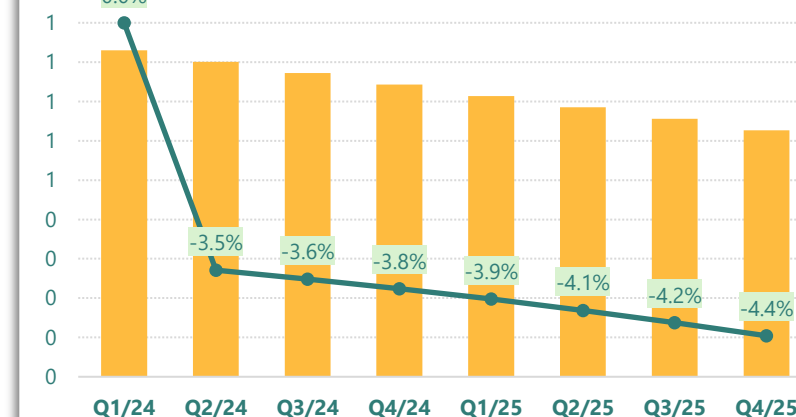


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



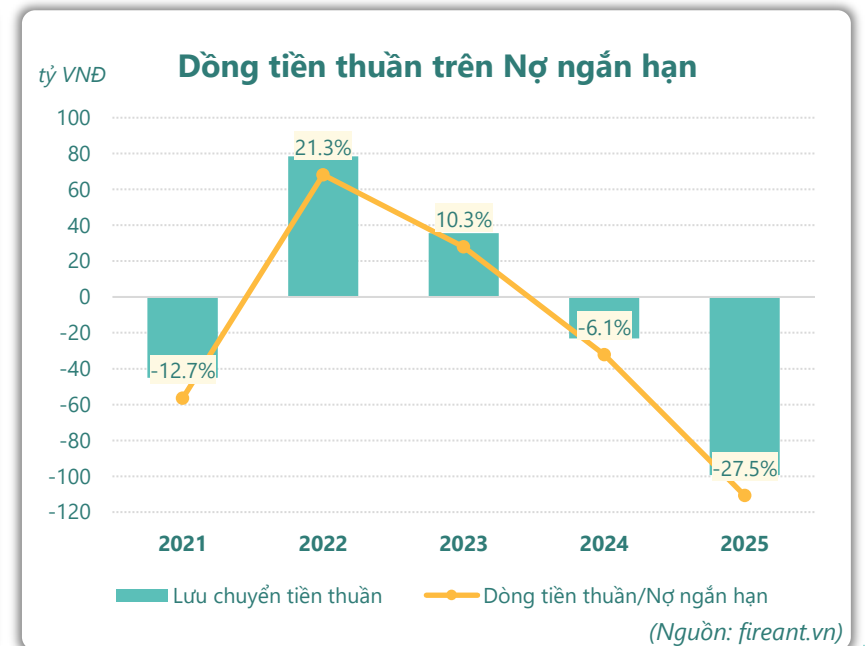
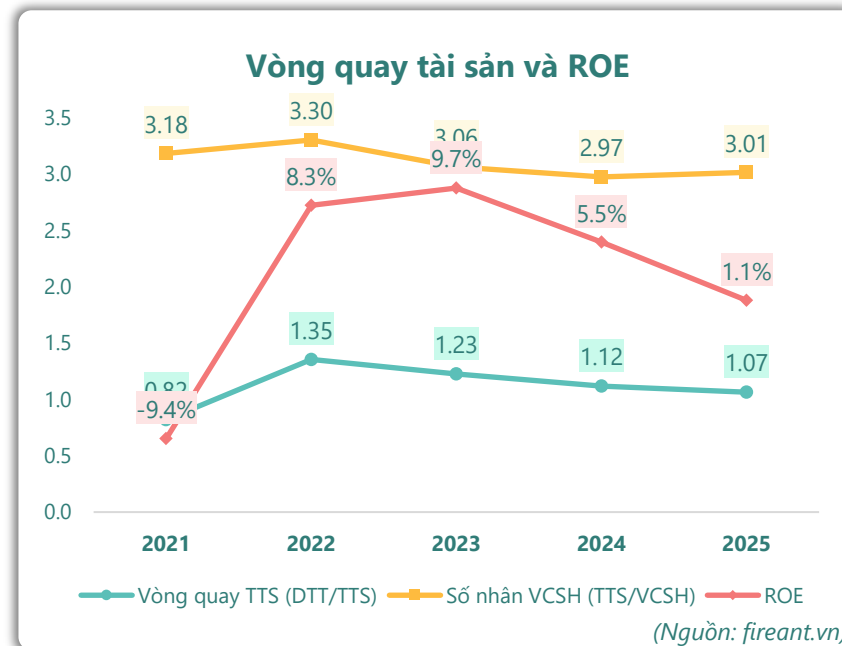
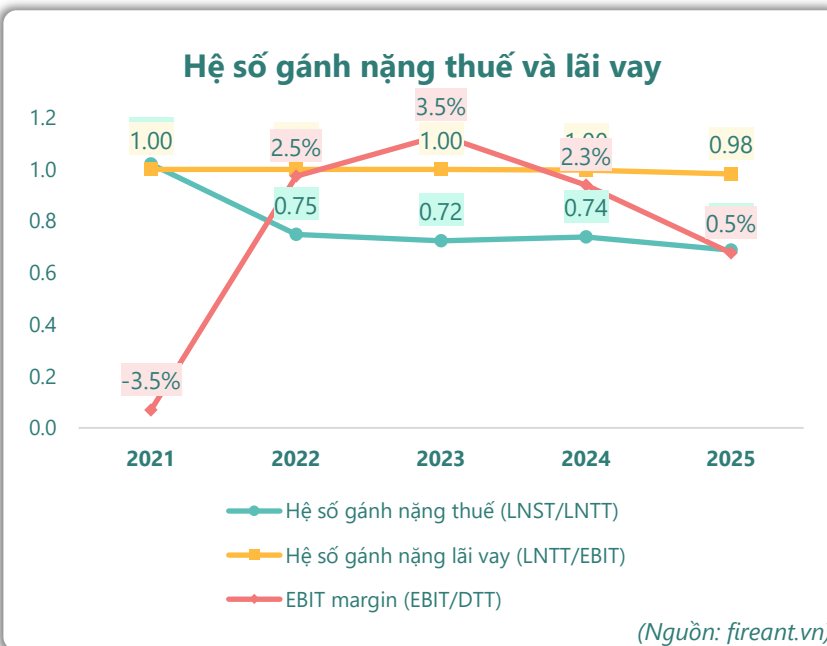
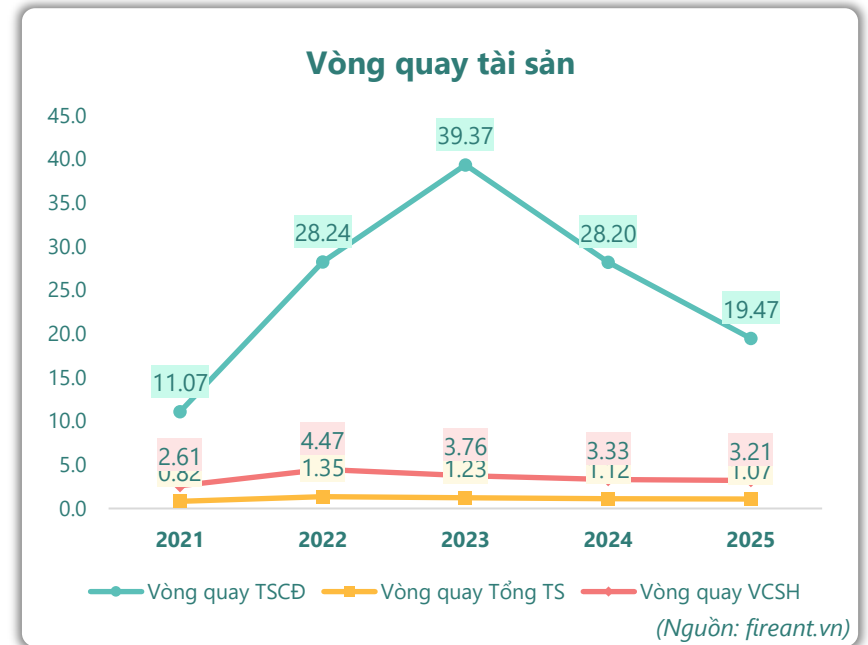
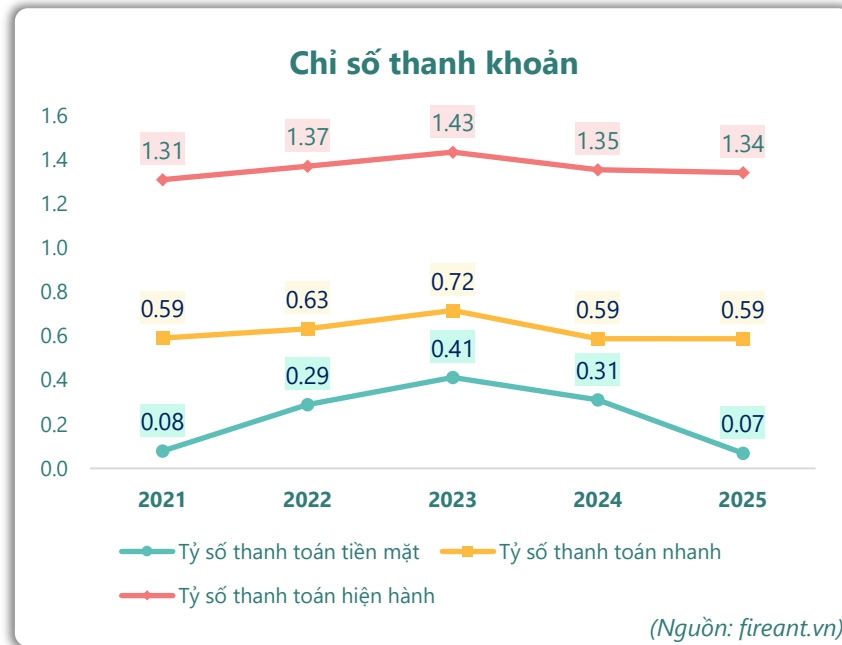
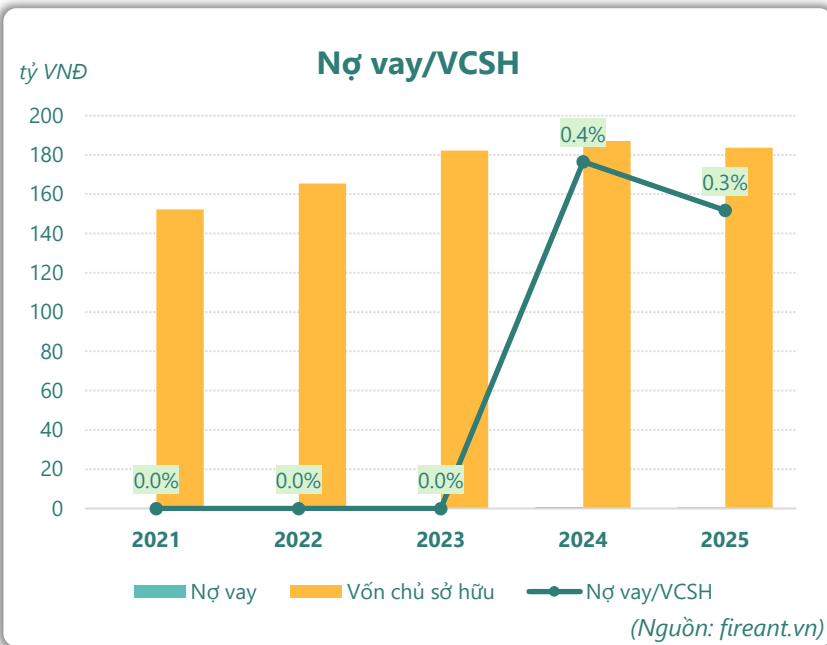
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	138	157	-12.0%	595	614	-3.1%
Giá vốn hàng bán	86.2	89.0	-3.2%	367	365	0.5%
Lợi nhuận gộp	52.0	68.0	-23.5%	228	249	-8.4%
Doanh thu HĐTC	4.48	5.17	-13.4%	16.9	17.3	-2.7%
Chi phí TC	0.02	0.01	82.3%	0.38	0.35	9.4%
Chi phí lãi vay	0.02	0.01	81.3%	0.05	0.04	21.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	56.6	61.5	-8.0%	219	220	-0.7%
Chi phí QLDN	5.91	7.95	-25.7%	32.4	33.6	-3.7%
LN thuần từ HĐKD	-6.00	3.65	-264%	-6.57	12.2	-154%
Lợi nhuận khác	3.79	0.72	427%	9.55	1.62	490%
LN trước thuế	-2.21	4.36	-151%	2.97	13.8	-78.5%
Lợi nhuận sau thuế	-2.33	4.14	-156%	2.04	10.2	-80.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.33	4.14	-156%	2.04	10.2	-80.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.8	8.93	8.07	3.50	26.0	17.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.1	-15.7	-14.9	18.8	-107	-46.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-5.43	-0.03	-0.03	-0.03	-5.42
Tiền đầu kỳ	120	131	119	112	140	59.0
Lưu chuyển tiền thuần	11.6	-12.2	-6.87	22.2	-80.7	-34.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	131	119	112	134	59.0	24.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	547	571	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	485	518	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	24.9	119	-79.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	136	50.0	171%
Phải thu ngắn hạn	43.3	49.0	-11.7%
Hàng tồn kho	273	293	-7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	6.95	30.4%
Tài sản dài hạn	61.3	52.6	16.6%
Phải thu dài hạn	18.6	14.0	33.0%
Tài sản cố định	31.2	29.9	4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.73	2.19	208%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.26	3.97	-42.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	363	384	-5.4%
Nợ ngắn hạn	362	383	-5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	318	320	-0.6%
Nợ dài hạn	1.13	1.24	-9.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.74	-15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	184	187	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	184	187	-1.8%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

